TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 31 - 7 - 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Huy Sơn.

Ông Trần Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ L, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: ấp G, xã Vĩnh T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Dương Văn C**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ L, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày:**

Giữa bà và ông Dương Văn C quen biết nhau. Sau đó được hai gia đình đồng ý nên hai người có tổ chức đám cưới và tự nguyện đi đăng ký kết hôn với

nhau. Đến ngày 01/4/2014 được Ủy ban nhân dân xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu sinh sống với nhau rất hạnh phúc và có 02 đứa con chung tên Dương Trấn H, sinh ngày 02/5/2007 và Dương Thị Bảo N, sinh ngày 26/11/2009, hiện con sống chung với cha. Nhưng thời gian sau thì giữa hai người thường phát sinh mâu thuẫn và cự cải do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai người đã nhiều lần hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thể hàn gắn. Nay nhận thấy không còn tình cảm với ông Dương Văn C nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn C.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Trấn H, sinh ngày 02/5/2007 và Dương Thị Bảo N, sinh ngày 26/11/2009, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn ông Dương Văn C vắng mặt.** Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía ông C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền cho bị đơn được thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở bị đơn; Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau ly hôn không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú: ấp Mỹ L, xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý

do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo nguyên đơn trình bày thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/4/2014. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu nguyên đơn cung cấp là trích lục kết hôn, ngày 20/4/2022 (BL 03) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện giữa hai người đã ly thân với nhau từ năm 2020. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] *Về con chung*: Theo nguyên đơn thì hai người chung sống với nhau có 02 người con chung tên Dương Trấn H, sinh ngày 02/5/2007 và Dương Thị Bảo N, sinh ngày 26/11/2009 nguyên đơn cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, các con chung cũng có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn. Mặc dù, hiện các con đang sống chung với bị đơn. Tuy nhiên, từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến hay nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền cho bị đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở bị đơn thực hiện quyền này.

[5]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

[8] Từ những phân tích nêu trên xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà Đặng Thị N được ly hôn với bị đơn ông Dương Văn C.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Dương Trấn H, sinh ngày 02/5/2007 và Dương Thị Bảo N, sinh ngày 26/11/2009 cho nguyên đơn bà Đặng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Dành quyền cho ông Dương Văn C được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. *Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Đặng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009269, ngày 05/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Mỹ Bình, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn